**,**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần 32,33** | **BÀI 10. TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG** | **NS: 10/5/24**  **ND: …5/24** |

**Tiết: 128,129**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGỮ VĂN**

**THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN - CHINH PHỤC NHỮNG CUỐN SÁCH MỚI**

**VẺ ĐẸP GIẢN DỊ VÀ CHÂN THẬT CỦA QUÊ NỘI ( VÕ QUẢNG)**

**I. MỤC TIÊU**

- Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của VB với mục đích của nó.

- Nội dung, thông tin về một số cuốn sách.

- Văn bản nghị luận văn học và đặc điểm của nó (lý lẽ và dẫn chứng) được thể hiện trong văn bản đọc.

- Mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của văn bản với mục đích của nó.

- Tìm hiểu, thu thập thông tin về sách, về các văn bản văn học.

- Đọc - xây dựng các sản phẩm thể hiện việc nắm bắt được thông tin, hiểu biết về các cuốn sách đã đọc

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**-** SGK, SGV

- Các cuốn sách liên quan đến chủ đề: Bầu trời tuổi thơ, Khúc nhạc tâm hồn, Cội nguồn yêu thương, Giai điệu đất nước , Màu sắc trăm miền, Bài học cuộc sống, Thế giới viễn tưởng, Trải nghiệm để trưởng thành, Hòa điệu với tự nhiên.

- Máy chiếu, máy tính

- Các phương tiện dạy học khác: màu vẽ, giấy vẽ, tư liệu hình ảnh minh hoạ (tranh ảnh và phim ngắn),...

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Giúp học sinh tự khám phá thế giới và cảm nhận niềm vui của việc đọc sách.

**b) Nội dung:**

- HS tự đọc phần Giới thiệu bài học, theo dõi câu hỏi của GV, suy nghĩ và trình bày suy nghĩ, ý tưởng của mình.

**c)**  **Sản phẩm**:

- Câu trả lời của hs

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

GV giao nhiệm vụ:

+ Trong các chủ đề đã học, em thích chủ đề nào nhất? Vì sao

+ Nếu chọn đọc một cuốn sách, em sẽ chọn cuốn sách về chủ đề gì?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**- Hs suy nghĩ, trả lời**

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết quả, nhận định:**

GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt, định hướng sản phẩm của hoạt động đọc, viết, nói và nghe: trong chủ đề này, các em sẽ chọn 1 cuốn sách để tìm hiểu những thông tin về cuốn sách đó, tưởng tượng 1 cuộc phỏng vẩn với 1 nhân vật em yêu thích, cuộc phỏng vấn với tác giả của cuốn sách để hiểu hơn về nhân vật và tác phẩm.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**1. Mục tiêu:** Nhận biết vấn đề được đề cập đến toàn bộ bài 10

**2. Nội dung:** Tìm hiểu về nội dung phần giới thiệu bài 10 và tri thức ngữ văn đề hiểu về đặc điểm cơ bản về bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, các mối quan hệ giữa con người có thực ngoài đời và các nhân vật văn học, phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản đa phương thức

**3. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS qua phiếu học tập và phần trình bày của HS, HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.

**4. Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **NV 1: Giới thiệu bài học**  **B1**:**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV: yêu cầu học sinh đọc giới thiệu bài 10.  - GV cho HS đọc phần này trong SGKvà nêu câu hỏi:  ***+ Loại văn bản nào em sẽ được học ở bài học này?***  ***+ Loại văn bản đó có tác dụng gì đối với chúng ta?***  ***+ Những điều em đã đọc từ những cuốn sách sẽ có ý nghìa gì?***  **B2**: ***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***  - HS thảo luận với nhau về cách hiểu về những gì được gợi lên từ phần *Giới thiệu bài học*.  **B3:** ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS báo cáo nội dung đọc hiểu  **B4: *Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập:***  GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét chốt vấn đề  **I. Giới thiệu bài học**  - Loại văn bản: nghị luận về tác phẩm văn học  - Tác dụng: giải quyết những suy nghĩ, bàn luận những vấn đề của cuộc sống gợi ra từ trang sách  - Ý nghĩa của những điều đọc từ trang sách: trở thành một phần của cuộc sống, là hành trang tri thức để chúng ta bước vào thế giới rộng lớn.  GV mở rộng: giải thích về nd của bài:………. |

|  |
| --- |
| **NV2: Khám phá tri thức ngữ văn**  **1. Mục tiêu:** Nhận biết vấn đề được đề cập đến toàn bộ bài 10  **2. Nội dung:** Tìm hiểu về Văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản, Con người ngoài đời thực với nhân vật trong tác phẩm văn học, phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản đa phương thức  **3. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS qua phiếu học tập và phần trình bày của HS, HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.  **4. Tổ chức thực hiện:**  **B1**:***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***  GV: yêu cầu học sinh đọc phần tri thức ngữ văn bài 10.  ***GV: Tổ chức HS theo 4 nhóm, viết phần trả lời các câu hỏi sau ra phiếu học tập. (KT Khăn trải bàn)***  - GV khơi sâu vấn đề bằng các câu hỏi và yêu cầu:  ***+ Văn bản nghị luận về một tác phẩm văn hoc là gì?***  ***+ Đặc điểm của lí lẽ và bằng chứng trong văn bản?***  ***+ Con người ngoài đời thực có mối liên hệ như thế nào với nhân vật trong tác phẩm văn học?***  ***+ Loại vb nào sd nhiều phương tiện phi ngôn ngữ, vc sd đó có td gì?***  **B2**: **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - HS đọc phần tri thức ngữ văn  - HS thảo luận theo nhóm  **B3:** **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm báo cáo nội dung đã thảo luận  **B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập:**  GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các nhóm  GV: chốt vấn đề  **II. Tri thức ngữ văn**  - Văn bản nghị luận về một tác phẩm văn hoc  - lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nl  - Con người ngoài đời thực có mối liên hệ như thế nào với nhân vật trong tác phẩm văn học  - phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản đa phương thức |

|  |
| --- |
|  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn HS ***chia nhóm đôi*** đọc và lựa chọn cuốn sách của nhóm mình và đưa ra những nội dung cần chia sẻ  ***1- Đề tài***: Cuốn sách đề cập đến phạm vi nào của đời sống?  ***2- Bố cục và nội dung chính***: Cuốn sách có mấy chương, phần? Nội dung chính của từng chương phần là gì?  ***3- Nhân vật, sự kiện, bối cảnh nổi bật*** nào được thể hiện trong cuốn sách?  ***4- Có những chi tiết quan trọng*** nào? Những đoạn văn, câu văn nào có thể gợi lên ý nghĩa, vấn đề chính trong cuốn sách?  ***5- Chủ đề, ý nghĩa, bài học*** mà em có thể rút ra sau khi đọc cuốn sách là gì?  - Tổ chức cho HS đọc theo hình thức luân phiên nhau đọc cho nhóm nghe (nên khuyến khích HS lựa chọn những cuốn có dung lượng ngắn vì thời gian có hạn).  - GV hướng dẫn học sinh lựa chọn hình thức chia sẻ, giới thiệu cuốn sách mà mình đã đọc như: minh họa kết hợp giới thiệu hoặc sơ đồ tư duy kết hợp giới thiệu hoặc xây dựng các đoạn phim ngắn thuyết trình (đã chuẩn bị trước) và tiến hành giới thiệu.  - GV cũng có thể tổ chức cho các em đọc ngoài giờ lên lớp. Thời gian trên lớp HS cùng chia sẻ thông tin về cuốn sách mà nhóm đã đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**  - Cùng nhau đọc, sáng tạo của nhóm theo các nội dung GV đã giao cho.  - Tiến hành giới thiệu, chia sẻ thông tin đã thu thập được qua hoạt động đọc.  **GV**quan sát, hướng dẫn các em thực hiện.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**yêu cầu HS lên giới thiệu  **HS** đại diện nhóm lên treo sp của nhóm (hoặc các video…) và giới thiệu  về cuốn sách của nhóm mình.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét phần trình bày của các nhóm và chốt lại hoạt động. Chuyển dẫn vào mục sau  **III. Chinh phục những cuốn sách mới.**  **1. Cuốn sách mới – chân trời mới**  - Đề tài.  - Bố cục và nội dung chính.  - Nhân vật, sự kiện, bối cảnh nổi bật.  - Những chi tiết quan trọng.  - Chủ đề, ý nghĩa, bài học. |

**ĐỌC VĂN BẢN: VẺ ĐẸP GIẢN DỊ VÀ CHÂN THẬT CỦA QUÊ NỘI ( VÕ QUẢNG)**

**Trích Võ Quảng, TRẦN THANH ĐỊCH**

**I. MỤC TIÊU**

- Nội dung, thông tin về cuốn sách Quê nội; Vẻ đẹp giản dị và chân thật của Quê nội.

- Văn bản nghị luận văn học và đặc điểm của nó (lý lẽ và dẫn chứng) được thể hiện trong văn bản đọc.

- Mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của văn bản với mục đích của nó.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

-  Một số cuốn sách hoặc tác phẩm văn học.

- Các mẫu nhật kí đọc sách.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu**: Tạo tâm thế cho HS bài học.

**2. Nội dung:** HS tìm kiếm, nắm 1 số nhà phê bình văn học nổi tiếng của Việt Nam (ở nhà)

**3. Sản phẩm:** Trình bày ý kiến.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- **GV**chiếu 3 ảnh

- Bức chân dung là một nhà văn, nhà báo và nhà phê bình, ông là ai?.

** **

*TrầnThanh Địch*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**HS** quan sát, chú ý phần chú thích (1) sgk/104 tập 2.

**GV**quan sát, hướng dẫn các em thực hiện.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**Trả lời câu hỏi HS.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

GV chốt vấn đề dẫn dắt vào bài.

|  |
| --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chia lớp thành 4 nhóm ***(Giáo viên giao việc HS chuẩn bị bài theo pp dự án)*** yêu cầu HS đọc văn bản “Vẻ đẹp giản dị và chân thật của Quê nội (Võ Quảng)” theo nhóm, trong quá trình đọc, HS tìm kiếm các thông tin để trả lời các câu hỏi:  ***N 1: Người viết tập trung bàn luận về vấn đề gì trong tác phẩm Quê nội của Võ Quảng?***  ***N 2: Để bàn về vấn đề, người viết đã nêu những ý kiến gì về đặc điểm nội dung, nghệ thuật của tác phẩm? Em căn cứ vào đâu để xác định như vậy?***  ***N 3: Hãy tìm những lí lẽ, bằng chứng được người viết sử dụng nhằm làm sáng tỏ ý kiến về các đặc điểm của tác phẩm Quê nội. Cách trình bày bằng chứng của người viết có điều gì đáng chú ý?***  ***N 4: Mối quan hệ giữa mục đích viết và đặc điểm, nội dung chính của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học được thể hiện như thế nào trong bài viết này?***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin, đưa ra câu trả lời.  **HS** đọc theo nhóm, tìm hiểu câu hỏi và trả lời,  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** trả lời câu hỏi của GV  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **-**Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.  DỰ KIẾN SP:  1- Vấn đề được nêu ra để bàn luận: Truyện có nhiều khóm nhân vật hoạt động. Truyện âm thầm như 1 mùi hương gây mê, có sức hấp dẫn và quyến rũ lạ lùng.  2- Để bàn về vấn đề, người viết đã nêu những ý kiến về đặc điểm nội dung, nghệ thuật của tác phẩm:  - Ý kiến về hoàn cảnh trong tác phẩm: Nội dung câu chuyện xảy ra trong một khung cảnh quê hương. Một nông thôn miền trung, tại thôn Hoà Phước bên con sông Thu Bồn vào những ngày rất mới mẻ - như một buổi tảng sáng- sau CMT8 thành công.  -Ý kiến về nhân vật trong tác phẩm:  + Các nhân vât là những người nông dân bình thường...đáng yêu, mỗi người 1 cá tính riêng tích cực làm việc cho xã hội  + Tuyến nhân vật có mặt ít hơn nhưng xuất sắc và lí thú không kém.  + Tuyến thứ 3: quan trọng và bề thế.  - Ý kiến về nghệ thuật: Lối tự sự qua vai “tôi” (thế mạnh, điểm yếu)  - Nhận xét chung: Tâm hồn chúng ta có là cục đá thì mới không xúc động, xao xuyến...  3- Những lí lẽ, bằng chứng được người viết sử dụng nhằm làm sáng tỏ ý kiến về các đặc điểm của tác phẩm Quê nội:  - Nội dung câu chuyện xảy ra trong một khung cảnh quê hương. Một nông thôn miền trung, tại thôn Hoà Phước bên con sông Thu Bồn vào những ngày rất mới mẻ  - Các nhân vât là những người nông dân bình thường, ..đáng yêu, mỗi người 1 cá tính riêng tích cực làm việc cho xã hội  - Sự thay đổi toàn diện của chế độ xã hội mới ngấm dần vào từng gia đình, từng con người, từ già đến trẻ.  - Thay đổi nếp sống hàng ngày từ trước đến nay.  - Họ làm việc hơi quá sức mình, suốt ngày lo đến công việc xã hội hơn là công việc nhà mình.  - Nông thôn sôi động như một gia đình vừa thức giấc.  - Tiếng cười nói gọi nhau í ới, nhiều con người thật đáng yêu, mỗi người mang một cá tính riêng nhưng đều giống nhau ở sự tích cực làm việc xã hội như: Bà Kiến, chị Ba, anh Bốn Linh, chú Năm Múi, anh Bảy Hoành, ông Tư Đảm...  \* Cách trình bày bằng chứng của người viết: Có chọn lọc, lược thuật, tóm tắt, không trích đoạn trực tiếp. Lí lẽ ngắn gọn, logic.  4- Mối quan hệ giữa mục đích viết và đặc điểm, nội dung chính của văn bản:  -Mục đích: Bàn luận về đặc điểm nghệ thuật, nội dung đồng thời đánh giá chung giá trị của tác phẩm.  -Trong bài viết: đặc điểm về nghệ thuật, nội dung được thể hiện qua việc nêu ý kến về hoàn cảnh, nhân vật, cách kể chuyện (có sử dụng lí lẽ, dẫn chứng); Nêu được giá trị (phần cuối)  - Như vậy mục tiêu của VB nghị luận được thể hiện nhất quán trong bài viết.  **2. Đọc cùng nhà phê bình**  **Vẻ đẹp giản dị và chân thật của Quê Nội (Võ Quảng)**  **1. Đọc bài văn:**  *“Vẻ đẹp giản dị và chân thật của quê nội (Võ Quảng)”*  **\* Người viết tập trung bàn luận về vấn đề gì trong tác phẩm *Quê nội* :**  + Nội dung của câu chuyện xảy ra trong những khung cảnh quê hương.  + Vai trò của vai "tôi" trong tác phẩm.  **\* Để bàn về vấn đề, người viết đã nêu những ý kiến về:**  + Nội dung của tác phẩm: hoàn cảnh đời sống trong tác phẩm, thế giới nhân vật.  + Nghệ thuật của tác phẩm: người kể chuyện, sức hấp dẫn của tác phẩm.  **\* Những lí lẽ, bằng chứng được người viết sử dụng nhằm làm sáng tỏ ý kiến về các đặc điểm của tác phẩm *Quê nội*:**  **\* Lí lẽ:** Nội dung câu chuyện xảy ra trong những khung cảnh quê hương.  **\* Bằng chứng:**  - Không gian: nông thôn miền Trung, tại thôn Hòa Phước, bên con sông Thu Bồn.  - Thời gian: Vào những ngày rất mới mẻ - như một buổi tảng sáng sau - cách mạng tháng Tám thành công.  + Nhân vật: Những người nông dân bình thường, mấy cô bác kèm luôn theo bên chân mấy chú nhóc hiếu động trong thôn, trong làng.  - Hoạt động: Vừa tự xây dựng chính quyền cách mạng địa phương vừa chuẩn bị chống giặc giữ làng.  - Cách trình bày bằng chứng của người viết: lần lượt nêu ra các bằng chứng theo chủ đề nhất định: không gian, thời gian, nhân vật, hoạt động.  - Mục đích viết của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: Làm sáng tỏ một vấn đề về tác phẩm đó.  - Đặc điểm, nội dung chính của văn bản: Đưa ra các lí lẽ và bằng chứng để chứng minh cho ý kiến hoặc làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.  **\* Mối quan hệ giữa mục đích viết và đặc điểm, nội dung chính của văn bản** là mối quan hệ hai chiều. Mục đích viết là cái để cho đặc điểm và nội dung chính của văn bản hướng đến; trong khi đặc điểm và nội dung chính của văn bản sẽ hiện thực hóa mục đích viết. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV nêu yêu cầu trước khi cho học sinh viết đoạn văn. ***(Viết cá nhân)***  - Em hãy đọc một văn bản đã học về đề tài tuổi thơ hoặc quê hương đất nước. Tưởng tượng em là một nhà phê bình văn học, hãy viết một đoạn văn (Khoảng 6-8 câu) nêu ý kiến của em về một tác phẩm văn học về đề tài tuổi thơ hoặc quê hương, đất nước.  - Trình bày trên giấy  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản.  - Làm việc cá nhân  + 5 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  - Theo dõi, hỗ trợ HS.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách đưa ra các câu hỏi gợi mở (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn qua phần sau. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia theo cặp đôi, giao nhiệm vụ:  Tìm trong cuốn sách đã đọc một nhân vật mà em yêu thích. Xây dựng một cuộc gặp gỡ với nhân vật mà em yêu thích.  **HS có thể đóng vai** tưởng tượng mình đang đối thoại với nhân vật yêu thích, như một cuộc phỏng vấn nhân vật.  Có thể sử dụng một số câu hỏi sau:   1. ***Bạn đến từ đâu?*** 2. ***Vì sao và bằng cách nào mà bạn trở thành nhân vật trong tác phẩm này?*** 3. ***Bạn có sở thích, tích cách hay đặc điểm gì nổi bật?*** 4. ***Để kể về cuộc đời của mình, bạn muốn nói lên điều gì?*** 5. ***Ai hay điều gì khiến bạn quan tâm nhất?*** 6. ***Nếu sống tiếp cuộc đời không chỉ trong trang sách điều bạn muốn làm nhất sẽ là gì?***   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Chọn một nhân vật yêu thích.  - Làm việc nhóm 10’  + 5 phút đầu, HS xây dựng hệ thống câu hỏi để phỏng vấn nhân vật.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận chọn người đóng vai nhân vật và người phỏng vấn nhân vật  **GV**:  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Các nhóm lần lượt thể hiện cuộc phỏng vấn không quá thời gian 5 phút. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Hướng dẫn HS cách thực hiện phỏng vấn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & cách thực hiện cuộc phỏng vấn nhân vật của HS  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn qua phần sau.  NV1  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chia lớp thành 4 nhóm ***(Giáo viên giao việc HS chuẩn bị bài theo pp dự án)*** yêu cầu HS đọc văn bản.  ***1. Mon và Mên là ai trong mối quan hệ với nhà văn?***  ***2. Vì sao anh lại khẳng định rằng “Tất cả lũ trẻ làng anh đều thức để lắng nghe tiếng mưa, cùng nghĩ về bãi song và lo cho bầy chim chìa vôi non”?***  ***3. Cậu bé - người “phỏng vấn" tác giả - ngạc nhiên vì điều gì?***  ***4. Bây giờ anh đã để cho Mon và Mên ở đâu? Và khi nào thì bầy chim chìa vôi bay về?***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Tiếp nhận nhiệm vụ  - Làm việc nhóm  **GV**:  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện HS trả lời, chia sẻ  Nhóm khác bổ sung, nhận xét  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & cách thực hiện của HS  *? Ngoài Mon và Mên, ai là người có trải nghiệm và kỉ niệm sâu sắc về đêm mưa, bãi sông và bầy chim chìa vôi?*  - Ngoài Mên và Mon thì nhà văn (có thể là những đứa trẻ vẫn đang ở nhà trông ngóng bầy chim chìa vôi kia) chính là người có trải nghiệm rõ nhất về đêm mưa ấy và bầy chim chìa vôi.  NV2  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS hoạt động nhóm  **Lựa chọn 1 cuốn sách, gây sự tò mò chú ý với các bạn.**  Tưởng tượng gặp gỡ tác giả của cuốn sách ấy. Hãy xây dựng nội dung cuộc trò chuyện với tác giả ấy  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  + 5 phút đầu, HS xây dựng hệ thống câu hỏi để trao đổi với tác giả.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận chọn người đóng vai tác giả và người trò truyện cùng tác giả.  **GV**:  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Các nhóm lần lượt thể hiện cuộc trò truyện trao đổi không quá thời gian 5 phút. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Hướng dẫn HS cách thực hiện trao đổi trò truyện (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & cách thực hiện của HS  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn qua phần luyện tập |
| **4. Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật** |
| **5. Đọc và trò truyện cùng tác giả**  **1. Bài thuật lại cuộc phỏng vấn của độc giả nhỏ tuổi với nhà văn**  **a.** Mon và Mên là bạn cùng lứa tuổi với nhà văn - tác giả truyện ngắn *Bầy chim chìa vôi.*  **b.** Nhà văn khẳng định rằng “tất cả lũ trẻ làng chú đều thức để lắng nghe tiếng mưa, cùng nghĩ về bãi sông và lo cho bầy chim chìa vôi non” vì:  lũ chim non là điều bọn trẻ quan tâm nhất lúc đó  b. Sở dĩ tác giả khẳng định việc tất cả những đứa trẻ trong làng đều thức để lắng nghe tiếng mưa và lo cho những chú chim chìa vôi là bởi vì tất cả những đứa trẻ đó đều quan tâm đến bầy chim chìa vôi nên với tâm lí của một đứa trẻ thì chúng sẽ thức để nghĩ về và lo lắng cho những chú chim mà chúng quan tâm đó.  **c.** Cậu bé - người “phỏng vấn" tác giả - ngạc nhiên vì tác giả biết được trong đêm mưa, Mon và Mên đã lo nghĩ cho bầy chìa vôi. Cậu bé cho rằng tác giả đã ở cùng Mon và Mên trong đêm hôm đó, hỏi tại sao tác giả không đi cùng Mon, Mên và ngăn cản họ vì họ mới chỉ là trẻ con, cần phải có người lớn đi cùng.  d.  Mon và Mên vẫn ở trong kí ức của nhà văn và độc giả.  - Bầy chim chìa vôi đã bay đến nơi rất xa, nơi thiên nhiên không bị tàn phá, nơi mà chúng có thể sinh sống. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**Nắm chắc kiến thức đã học vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:**GV tổ chức choHS hợp tác nhóm và thực hiện đóng phân vai cho một tác phẩm trích đoạn trong một tác phẩm thuộc chủ đề đã chọn.

**c) Sản phẩm:**Tiểu phẩm do HS trình diễn.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

- Giáo viên chia lớp thành 2 nhóm, cho HS thảo luận 5 phút **chuẩn bị đóng vai**.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS cách thực hiện.

**HS**tiến hành chọn tác phẩm, thảo luận phân chia vai, tiến hành đóng vai.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- Đại diện các nhóm lên biểu diễn.

- Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống, phát triển năng khiếu hội họa của HS.

**b) Nội dung:**GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS là 1 tác phẩm hội họa.**

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

? Vẽ lại bìa của một cuốn sách mà em yêu thích hoặc vẽ lại một hình ảnh mà em ấn tượng nhất trong cuốn sách đã đọc.

- Nộp sản phẩm về cho GV hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**đọc, xác định yêu cầu của bài tập và thực hành vẽ và trang trí ở nhà.

GV phối hợp với GV dạy Mỹ thuật để đánh giá HS.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho phần **Viết**.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  *+ Văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học là gì?*  *………………………………………………………………………………………………….*  *…………………………………………………………………………………………………..*  *+ Đặc điểm của lí lẽ và bằng chứng trong văn bản?*  *…………………………………………………………………………………………………..*  *+ Con người ngoài đời thực có mối liên hệ như thế nào với nhân vật trong tác phẩm văn học?*  *…………………………………………………………………………………………………..*  *+ Loại vb nào sd nhiều phương tiện phi ngôn ngữ, vc sd đó có td gì?*  ………………………………………………………………………………………… |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  1. Mon và Mên là ai trong mối quan hệ với nhà văn?  ………………………………………………………………………………………  2. Vì sao anh lại khẳng định rằng “Tất cả lũ trẻ làng anh đều thức để lắng nghe tiếng mưa, cùng nghĩ về bãi song và lo cho bầy chim chìa vôi non”?  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..  3. Cậu bé - người “phỏng vấn” tác giả - ngạc nhiên vì điều gì?  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  4. Bây giờ anh đã để cho Mon và Mên ở đâu? Và khi nào thì bầy chim chìa vôi bay về?  ………………………………………………………………………………………… |

**TIẾT 131->136:**

**TRỌNG TÂM ÔN CUỐI KÌ II NGỮ VĂN 7**

1. **Đọc hiểu**

* Thể loại, loại văn bản
* Vấn đề được bàn luận trong văn bản
* Ý kiến, lí lẽ
* Thành ngữ
* Phương tiện liên kết,
* Nghĩa của từ
* Lợi ích của vấn đề
* Hiểu và lí giải được 1 khía cạnh của vấn đề đặt ra trong văn bản
* Trải nghiệm văn bản rút ra bài học
* Nêu được trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn các vấn đề đặt ra trong văn bản.

**2, Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến tán thành/ phản đối**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO ĐẠI LỘC  **TRƯỜNG THCS KIM ĐỒNG** | **KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2023-2024**  **Môn: Ngữ văn – Lớp 7**  **Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian giao đề)*** |

**I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA**

-Thu thập thông tin, đánh giá mức độ đạt được của quá trình dạy học (từ tuần 19 đến tuần 30) so với yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của chương trình giáo dục.

- Nắm bắt khả năng học tập, mức độ phân hóa về phẩm chất và năng lực của học sinh, trên cơ sở đó, giáo viên có kế hoạch dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn.

**II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA**

- Hình thức: Trắc nghiệm + tự luận

- Cách thức: Kiểm tra trên lớp theo kế hoạch của chuyên môn nhà trường.

**III. THIẾT LẬP ĐỀ KIỂM TRA**

1. **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA KÌ II, MÔN: NGỮ VĂN 7 (Thời gian 90 phút)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | | | | **Tổng** | |
| **Nhận biết**  (Số câu) | | | **Thông**  **hiểu**  (Số câu) | | | **Vận**  **dụng**  (Số câu) | | | **V. dụng**  **cao**  (Số câu) | | |
| TN | TL | TN | | TL | TN | | TL | TN | | TL |  | |
| **1** | **Đọc** (số câu) | Văn bản nghị luận (Ngoài SGK)  Thực hành tiếng Việt | 4 | 0 | 3 | | 1 | 0 | | 1 | 0 | | 1 | 10 | |
| Tỉ lệ % điểm | | | 20 |  | 15 | | 10 |  | | 10 |  | | 5 | 60 | |
| **2** | **Viết**  *(số ý/câu)* | viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. (phản đối) | 0 | 1\* | 0 | | 1,5\* | 0 | | 1\* | 0 | | 0,5 | 1 | |
| Tỉ lệ % điểm | | |  | 10 |  | | 15 |  | | 10 | 0 | | 5 | 40 | |
| **Tỉ lệ % điểm các mức độ nhận thức** | | | **30** | | | **40** | | | **30** | | | | | | **100** | |

1. **BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
|  | **Đọc hiểu** | Văn nghị luận (Văn bản ngoài SGK) | **Nhận biết**:  - Loại, thể loại văn bản  - Ý nghĩa của vấn đề  - Thành ngữ  -Phương tiện liên kết  **Thông hiểu**:  - Vấn đề nghị luận  -Ý kiến của người viết để làm sáng tỏ vấn đề  - Đặc điểm hình thức của loại văn bản  - Hiểu được thực chất của một ý kiến bất kì trong văn bản  **Vận dụng.**  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn vấn đề đặt ra trong văn bản  -Từ văn bản, rút ra bài học | | **4 TN** | | **3TN 1TL** | | **1TL** | | **1TL** | |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống  (phản đối) | **Nhận biết:**  -Nhận biết được yêu cầu của đề bài  + Hình thức: viết bài văn  + Nội dung: Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.  **Hiểu:**  - Hiểu được bố cục của bài văn nghị luận và cách làm bài  - Hiểu được vấn đề nghị luận là gì? Bày tỏ ý kiến phản đối  - Lí lẽ, bằng chứng đưa ra để chứng tỏ sự phản đối là có căn cứ.  - Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối  **Vận dụng:**  -Từ việc hiểu, học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để viết được bài văn nghị luận phản đối về một vấn đề trong đời sống  **Vận dụng cao:**  Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, trình bày rõ vấn đề, lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng, bài văn giàu sức thuyết phục. | | 1\* | | 1,5\* | | 1\* | | 0,5TL | |
| Tổng | | | |  | | 4 TN  1TL | | 3TN 2TL | | 2TL | | 2TL | |
| *Tỉ lệ %* | | | |  | | *30* | | *40* | | *20* | | *10* | |
| Tỉ lệ chung | | | |  | | 70 | | | | 30 | | | |

*Họ và tên học sinh: …………............................. Lớp: ………….. SBD: ………………*

**I/ ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

***Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.***

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GDĐT ĐẠI LỘC  **TRƯỜNG THCS KIM ĐỒNG**  **ĐỀ CHÍNH THỨC**  (*Đề gồm có 02 trang*) | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC 2023-2024**  **Môn: NGỮ VĂN – Lớp 7**  Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề) |

**THỜI GIAN LÀ VÀNG**

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

*(Theo Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam,2007, tr 36-37)*

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1:** Văn bản *Thời gian là vàng* thuộc loại, thể loại văn bản nào?

A. Truyện ngụ ngôn B. văn bản nghị luận

C. văn bản thông tin D. tùy bút

**Câu 2.** Theo tác giả, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho ai?

A. cho bản thân và gia đình B. cho xã hội và gia đình

C. cho bản thân và xã hội D. cho bản thân và gia đình

**Câu 3.** Trong đoạn văn sau đây, cụm từ nào là thành ngữ?

*Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được*.

A. thường xuyên học tập B. bữa đực, bữa cái

C. học mấy cũng không giỏi D. học tập thì mới giỏi

**Câu 4.** Từ được in đậm trong đoạn văn dưới đây được dùng để thực hiện phép liên kết nào?

*“Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng.* ***Nhưng*** *vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.”*

A. Phép lặp B. Phép thế C. Phép nối D. Phép liên tưởng

**Câu 5. V**ăn bản trên bàn về vấn đề gì?

A. Giá trị của thời gian B. Giá trị của tri thức

C. Giá trị của sức khỏe D. Giá trị của kinh doanh

**Câu 6.** Để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận, người viết đã đưa ra mấy ý kiến? (Hiểu)

A. bảy B. sáu C. năm D. bốn

**Câu 7.** Nhận định nào đúng nhất khi nói về đặc điểm hình thức của văn bản *Thời gian là vàng* ?

A. Bài viết ngắn gọn, cô đọng, thể hiện rõ nội dung ý kiến, tình cảm của người viết

B. Nhan đề gây ấn tượng; cách sử dụng tài liệu, số liệu khoa học, chính xác

C. Bài viết ngắn gọn; sử dụng ngôi kể thứ ba tạo tính khách quan, tin cậy cho người đọc.

D. Bài viết ngắn gọn, làm rõ vấn đề bằng những ý kiến, bằng chứng thực tế, thuyết phục

**Câu 8:** Tại sao tác giả cho rằng: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được?

**Câu 9.**Qua văn bản, em rút ra bài học gì?

**Câu 10.** Từ nội dung văn bản *Thời gian là vàng*, theo em, có thể xem việc sử dụng thời gian là một kiểu trải nghiệm được không? Vì sao?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Hãy viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của em về quan niệm “*Tham gia giao thông bằng xe đạp điện không cần đội mũ bảo hiểm.”*

----------------------Hết----------------------

**D. HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**I/ ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Trắc nghiệm khách quan**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** |
| Phương án trả lời | B | C | B | C | A | C | D |
| Điểm | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 |

**Trắc nghiệm tự luận**

**Câu 8 (1,0 đ)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1 (1,0 đ)** | **Mức 2 (0,75 đ)** | **Mức 3 (0,5 đ)** | **Mức 4 (0,25đ)** | **Mức 4 (0đ)** |
| HS hiểu được thực chất của ý kiến*Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được*  Gợi ý:  - Thời gian là vàng: thời gian quý giá như vàng.  - Vàng mua được: vàng là vật chất hữu hình có thể mua bán, trao đổi.  - Thời gian không mua được: Thời gian là thứ vô hình không thể nắm bắt, đã đi là không trở lại.  (*HS có thể có cách diễn đạt, lí giải khác miễn sao thuyết phục và phù hợp với chuẩn mực đạo đức)* | HS nêu được hai trong ba ý đã nêu | HS nêu được một trong ba ý đã nêu | HS nêu được một trong ba ý đã nêu nhưng diễn đạt lủng củng | Trả lời sai hoặc không trả lời. dụng) |

**Câu 9. (1.0 điểm)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức 1 (**1,0đ**)** | **Mức 2 (0,75đ)** | **Mức 3 (0,5đ)** | **Mức 4 (0,25đ)** | **Mức 5 (0đ)** |
| Từ văn bản, hs tự rút ra bài học về việc sử dụng thời gian  Gợi ý:  -Cần sử dụng thời gian một cách hợp lí, có kế hoạch cho từng việc.  -Không nên lãng phí thời gian vì thời gian đã qua thì không thể lấy lại được.  (*HS có thể có nêu bài học khác miễn sao thuyết phục và phù hợp với chuẩn mực đạo đức)* | HS tự rút ra cho bản thân bài học tương đối phù hợp | HS tự rút ra cho mình một trong hai bài học đã nêu | HS tự rút ra cho bản thân bài học tương đối | Bài học rút ra không liên quan hoặc không trả lời. |

**Câu 10. (0,5đ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mức 1 (**0,5**đ)** | **Mức 2 (0,25 đ)** | **Mức 3 (0,0đ-)** |
| Hs suy nghĩ, trải nghiệm việc sử dụng thời gian của bản thân để trả lời sao cho hợp lí, không vi phạm pháp luật, phù hợp với chuẩn mực đạo đức.  Gợi ý:  - Từ nội dung văn bản *Thời gian là vàng*, theo em, có thể xem việc sử dụng thời gian là một kiểu trải nghiệm:  + Trải nghiệm về cách quản lí và sử dụng thời gian. Từ những lần sử dụng thời gian hiệu quả/ chưa hiệu quả, mỗi người sẽ tìm ra một cách sử dụng thời gian sao cho hiệu quả, hợp lí nhất  + Thời gian cho phép chúng ta xem xét quá khứ, học hỏi từ lịch sử và kinh nghiệm của nhân loại; trải nghiệm hiện tại và lập kế hoạch cho tương lai, đó chính là một sự trải nghiệm.  + …………………  (*HS có thể có cách diễn đạt, lí giải khác miễn sao thuyết phục và phù hợp với chuẩn mực đạo đức)* | HS nêu được một trong hai ý đã nêu | Trả lời nhưng không liên quan đến câu hỏi, hoặc không trả lời. |

**I/ VIẾT (4.0 điểm)**

1. **BẢNG ĐIỂM CHUNG CHO TOÀN BÀI.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Điểm** |
| 1. Cấu trúc bài văn | 0,5 |
| 2. Nội dung | 2 |
| 3. Trình bày, diễn đạt | 1 |
| 4. Sáng tạo | 0,5 |

**B. BẢNG CHẤM ĐIỂM CỤ THỂ CHO TỪNG TIÊU CHÍ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Tiêu chí 1. Cấu trúc bài văn (0.5 điểm)** | | |
| **Điểm** | **Mô tả tiêu chí** | **Ghi chú** |
| 0.5 | - Bài viết đủ 3 phần. Mở bài, Thân bài và Kết bài.  - Các phần có sự liên kết chặt chẽ, phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn. | **1. Mở bài**  - Nêu vấn đề nghị luận cần bàn và bày tỏ ý kiến phản đối cách nhìn nhận về vấn đề.  **2. Thân bài**  - Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận  - Phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm (lí lẽ, bằng chứng)  + Nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống (lí lẽ, bằng chứng)  **3. Kết bài**  Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối |
| 0.25 | Bài viết đủ 3 phần nhưng chưa đầy đủ nội dung, Thân bài chỉ có một đoạn văn. |
| 0.0 | Chưa tổ chức bài văn thành 3 phần như trên (thiếu mở bài hoặc kết bài, hoặc cả bài viết chỉ một đoạn văn) |
| **2. Tiêu chí 2. Nội dung (2 điểm)** | | |
| **Điểm** | **Mô tả tiêu chí** | **Ghi chú** |
| 1.5 2.0 | - Nêu được vấn đề “Tham gia giao thông bằng xe đạp điện không cần đội mũ bảo hiểm” và bày tỏ ý kiến phản đối cách nhìn nhận về vấn đề.  - Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận  - Phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm (lí lẽ, bằng chứng)  + Nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống (lí lẽ, bằng chứng)  -Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối | Một số gợi ý cơ bản.  **1. Mở bài**  - Nêu vấn đề nghị luận cần bàn và bày tỏ ý kiến phản đối cách nhìn nhận về vấn đề.  **2. Thân bài**  - Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận  - Phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm (lí lẽ, bằng chứng)  + Nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống (lí lẽ, bằng chứng)  **3. Kết bài**  Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối |
| 0.75 1.25 | Làm đầy đủ theo các bước nhưng ý ở mỗi bước còn sơ sài  - Nêu được vấn đề “Tham gia giao thông bằng xe đạp điện không cần đội mũ bảo hiểm” và bày tỏ ý kiến phản đối cách nhìn nhận về vấn đề.  - Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận  - Phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm (lí lẽ, bằng chứng)  - Nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống (lí lẽ, bằng chứng)  -Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối |  |
| 0.25-0.5 | Nội dung còn sơ sài, chưa đầy đủ, thiếu nhiều ý cơ bản. |
| **3. Tiêu chí 3. Diễn đạt, trình bày (1 điểm)** | | |
| **Điểm** | **Mô tả tiêu chí** | |
| 1.0 | - Vốn từ ngữ phong phú, kiểu câu đa dạng đảm bảo sự logic giữa các câu, các đoạn trong bài văn. Mắc vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.  - Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, ít gạch, xóa… | |
| 0.25 – 0.75 | - Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.  - Chữ viết không rõ ràng, khó đọc, bài văn trình bày chưa sạch sẽ… | |
| **4. Tiêu chí 4. Sáng tạo (0.5 điểm)** | | |
| **Điểm** | **Mô tả tiêu chí** | |
| 0.5 | Có sáng tạo trong cách dùng từ và diễn đạt. | |
| 0.25 | Có thể hiện được sự sáng tạo nhưng chưa đậm nét. | |
| 0.0 | Chưa có sự sáng tạo | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuyên môn** | **Tổ trưởng** | **Giáo viên ra đề**  **(Đã kí)**  **Đồng Thị Lai** |

**Tiết 137,138 : VIẾT**

**THÁCH THỨC THỨ HAI: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN SẢM PHẨM**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT NHÂN VẬT VĂN HỌC YÊU THÍCH**

**TRONG CUỐN SÁCH ĐÃ ĐỌC**

1. **MỤC TIÊU**

- HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc.

- Biết cách phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc.

- HS tìm các ý chính cho bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách em đã đọc.

- Biết lập dàn ý.

- HS viết được bài một bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách em đã đọc.

1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

SGK, SGV Ngữ văn 7, máy tính, tivi, bảng nhóm, phiếu học tập.

1. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: MỞ ĐẦU**

1. **Mục tiêu:** Tạo tình huống, khơi gợi vấn đề liên quan tới bài học để kết nối vào bài học.
2. **Nội dung:** HS được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ sau:

- Em hãy nêu một số nhân vật văn học mà em yêu thích trong những cuốn sách đã đọc.

- Vì sao em yêu thích nhân vật đó?

1. **Sản phẩm:** Kết quả thực hiện NV của HS
2. **Tổ chức thực hiện:**

* HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi phần **Nội dung**. GV quan sát, hỗ trợ khi HS thực hiện nhiệm vụ.

GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**TIẾT 1**

|  |
| --- |
| **a. Mục tiêu:**  - HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc.  **b. Nội dung:**  - Giới thiệu nhân vật trong tác phẩm văn học.  - Chỉ ra được đặc điểm, tính cách nhân vật qua bằng chứng cụ thể về ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, tâm trạng của nhân vật được miêu tả trong tác phẩm.  - nhận xét đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn: biện pháp nghệ thuật, cách sử dụng hoặc nhấn mạnh những chi tiết làm rõ đặc điểm nhân vật  - Nêu được ý nghĩa hình tượng của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm hoặc quan niệm đời sống của tác giả.  **c. Sản phẩm:** Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:  Đọc bài văn “Hoàng tử bé: trò chuyện để thấu hiểu và yêu thương” và thực hiện các yêu cầu :  + Bài văn phân tích đặc điểm nhân vật nào, trong tp nào, cuốn sách nào, nv đó xuất hiện trong hoàn cảnh nào?  + Người viết đã pt nghệ thuật miêu tả nv đó là gì?  + Nhân vật đó có những đặc điểm gì dựa trên những bằng chứng trong tác phẩm?  + Ý nghĩa hình tượng của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Quan sát bài văn “Hoàng tử bé: trò chuyện để thấu hiểu và yêu thương ”.  - Suy nghĩ cá nhân  - Thảo luận nhóm  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm báo cáo .  - Dự kiến sp:  **B4: Kết luận, nhận định**  - Các nhóm hs khác nhận xét, GV nhận xét câu trả lời của HS  **I. TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT NHÂN VẬT VĂN HỌC YÊU THÍCH TRONG CUỐN SÁCH ĐÃ ĐỌC**  - Giới thiệu nhân vật trong tác phẩm văn học: lai lịch, hoàn cảnh, tình huống xuất hiện và những ấn tượng đặc biệt ban đầu (nếu có)  - Chỉ ra được đặc điểm, tính cách nhân vật qua bằng chứng cụ thể về ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, tâm trạng của nhân vật được miêu tả trong tác phẩm  - nhận xét đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn: biện pháp nghệ thuật, cách sử dụng hoặc nhấn mạnh những chi tiết làm rõ đặc điểm nhân vật  - Nêu được ý nghĩa hình tượng của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm hoặc quan niệm đời sống của tác giả. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HĐ3: CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI VIẾT**  **Đề bài:** Hãy viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách em đã đọc  **a.Mục tiêu:** HS xây dựng được dàn ý.  **b.Nội dung:** HS được yêu cầu thực hiện các NV sau:  - Có thể tìm ý bằng cách nào?  - Sắp xếp các ý thành dàn ý ( theo dàn ý sgk/ 115)  **c. Sản phẩm:** Tìm ý bằng cách trả lời một số câu hỏi sau:  **-** Nhân vật xuất hiện trong cuốn sách, tp nào?  **-** Vì sao em yêu thích nhân vật, điều gì khiến em quyết định lựa chọn phân tích nv này?  **-** Nhân vật có những đặc điểm nào nổi bật ?  **-** Nghệ thuật xd nhân vật của nhà văn có gì đặc sắc?  **-** NV gợi cho em liên tưởng, suy nghĩ và rút ra bài học gì?  **\* Sắp xếp các ý thành dàn ý hoàn chỉnh.**  **d. Tổ chức thực hiện**  **NV 1: Thực hành các bước trước khi viết**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:  Tìm các ý chính cho bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách em đã đọc  **PHIẾU TÌM Ý**  Họ và tên HS: ………………………….Lớp  **Nhiệm vụ:** Tìm các ý chính cho bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách em đã đọc   |  |  | | --- | --- | | Nhân vật đó là nv nào, trong tp nào, cuốn sách nào, nv đó xuất hiện trong hc nào? |  | | Điều gì khiến em yêu thích và lựa chọn nhân vật này? |  | | Nhân vật đó có những đặc điểm gì dựa trên những bằng chứng trong tác phẩm ? Đặc điểm đó cho thấy điều gì về phẩm chất của nhân vật? |  | | + Nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn có gì đặc sắc? |  | | Ý nghĩa hình tượng của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm ? Em rút ra bài học gì từ nhân vật? |  |   (**Nhiệm vụ này cần được giao trước, thời gian trên lớp chỉ dành để các nhóm báo cáo).**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Suy nghĩ cá nhân  - Thảo luận nhóm, điền vào phiếu (làm ở nhà)  - Dự kiến sp:...  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm báo cáo  **B4: Kết luận, nhận định**  - Các nhóm hs khác nx, GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục “Dàn ý của bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách em đã đọc”, ghi bảng  **II. THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC**  **1. Trước khi viết**  **Dàn ý:**  **- Mở bài:** giới thiệu nv, ấn tượng ban đầu về nv  **- Thân bài:**  + Bối cảnh, các mối quan hệ làm nổi bật đặc điểm nv  + những đặc điểm nổi bật của nv(ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, suy nghĩ..)  + Nghệ thuật xây dựng nv  **- Kết bài:** bài học, suy nghĩ, ấn tượng sâu sắc mà nv để lại  **2. Viết bài**  **TIẾT 2**  **HĐ 4: VIẾT BÀI, CHỈNH SỬA BÀI VIẾT.**   1. **Mục tiêu:** HS hoàn thiện kĩ năng viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc; kĩ năng đọc, nhận xét, đánh giá bài văn trên lớp; chỉnh sửa được các lỗi, hạn chế trong bài viết của mình và của bạn. 2. **Nội dung:** GV yêu cầu HS viết bài văn hoàn chỉnh. Thực hành nhận xét, đánh giá và chỉnh sửa bài viết của mình và của bạn trên lớp. (dựa theo gợi ý chỉnh sửa bài viết SGK Tr.115) 3. **Sản phẩm:** Kết quả HS thực hiện các nhiệm vụ được nêu ở mục **Nội dung.** 4. **Tổ chức thực hiện:**  * GV yêu cầu HS viết bài.   HS ghi đề vào giấy/vở và làm bài.  Trong quá trình HS viết bài, GV quan sát, nhắc HS dành thời gian đọc lại và sửa lỗi trước khi nộp bài, khuyến khích những bài viết sáng tạo.  **- Chỉnh sửa bài viết**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Gv cho hs làm việc nhóm nx một bài viết của nhóm khác dựa trên các tiêu chí đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc nhóm đọc và nx  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết dựa trên tiêu chí: |

**HĐ 5: VẬN DỤNG**

1. **Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài viết.
2. **Nội dung:**HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn để viết đoạn văn.
3. **Sản phẩm học tập:**Bài làm của HS.
4. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS viết phần mở bài và kết bài phân tích một nhân vật yêu thích trong chương trình ngữ văn 6.

**-**HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ( ở nhà).

**TIẾT 139:**

**NÓI VÀ NGHE**

**VỀ ĐÍCH: NGÀY HỘI VỚI SÁCH**

**Thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Biết cách trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách sao cho hấp dẫn và thuyết phục;

+ Biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

+ Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Giấy A4.

- Tranh vẽ minh họa sách hoặc truyện tranh.

- Các cuốn sách đã đọc trong dự án.

- Bài giới thiệu sách dưới các hình thức

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh sẵn sàng tham gia vào thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Kích thích học sinh tự hình thành cho mình thói quen đọc sách.

**b. Nội dung:**

- GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

- HS quan sát video, lắng nghe và trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của đoạn video ( những lợi ích của việc đọc sách)

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chiếu video :*Tại Sao Cần Phải Đọc Sách? Những Lợi Ích Của Việc Đọc Sách Mà Bạn Cần Biết | Nghĩ Lớn* *(https://www.youtube.com/watch?v=imNbIwVJ1lA)*

và giao nhiệm vụ cho HS:

*- Đoạn video đề cập đến những lợi ích nào của việc đọc sách? Theo em, làm thế nào để mỗi người có thể hình thành cho mình thói quen đọc sách mỗi ngày?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân.

- GV nhắc nhớ những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- Cá nhân HS trả lời câu hỏi của GV

- HS khác theo dõi, bổ sung (nếu cần thiết)

**B4: Kết luận, nhận định**

***-*** GV nhận xét và kết nối vào bài

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |
| --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** |
| 1. **Mục tiêu:**   \* HS trưng bày sản phẩm sáng tạo từ cuốn sách đã đọc ( là sản phẩm của các nhóm):Tranh vẽ,truyện tranh, Pô-xtơ giới thiệu nhân vật  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  **b.** **Nội dung: HS chọn 1 trong hai đề bài sau để tiến hành luyện nói.**  **1. Giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ sách**  **2. Trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách**  - HS luyện nói và trình bày bài nói & nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn  - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** |
| **\* NV1: Xác định mục đích nói và người nghe**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc SGK/116 và trả lời các câu hỏi:  *- Mục đích của bài nói là gì?*  *- Những người nghe là ai?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS khai thác SGK và trả lời câu hỏi.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi.  - HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn ( nếu cần)  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói  **1. Chuẩn bị nội dung và phương tiện trình bày**  ***a. Xác định mục đích nói và người nghe***  - Mục đích nói: Trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách  - Người nghe: thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách.  **\* NV2: Chuẩn bị nội dung nói**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm tổ, trả lời các câu hỏi sau:  *+ Sách là gì?*  *+ Có những loại sách nào?*  *+ Sách cung cấp cho ta hiểu biết về những lĩnh vực nào trong cuộc sống?*  *+ Con người sẽ ra sao nếu thiếu sách?*  *+ Làm thế nào để tạo cho mình thói quen đọc sách?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm HS suy nghĩ, thảo luận trả lời câu hỏi của GV.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  - Các nhóm khác thao dõi, nhận xét, bổ sung ( nếu cần)  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, tổng hợp, kết luận.  ***b. Chuẩn bị nội dung nói***  - Sách là tài sản vô giá, là người bạn tốt. Bởi sách là nơi lưu trữ toàn bộ sản phẩm tri thức của con người, giúp ích cho con người về mọi mặt trong đời sống xã hội.  - Tác dụng của việc đọc sách:  + Đọc sách giúp ta có thêm tri thức, mở rộng hiểu biết, thu thập thông tin một cách nhanh nhất (nêu dẫn chứng).  + Sách bồi dưỡng tinh thần, tình cảm cho chúng ta, để chúng ta trở thành người tốt (dẫn chứng)  + Sách là người bạn động viên, chia sẻ làm vơi đi nỗi buồn (dẫn chứng)  + Nếu không đọc sách, con ngươi sẽ thấy hạn hẹp về tầm hiểu biết, tâm hồn cằn cỗi.  - Phương pháp đọc sách:  + Phải chọn sách tốt, có giá trị để đọc  + Phải đọc kỹ, vừa đọc vừa nghiền ngẫm suy nghĩ, ghi chép những điều bổ ích.  + Thực hành, vận dụng những điều học được từ sách vào cuộc sống hàng ngày.  **\* NV3: Tập luyện**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tập luyện trong nhóm dựa trên dàn ý đã xây dựng.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiến hành tập luyện.  - GV lưu ý HS: Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng; tận dụng có hiệu quả những ưu thế của các phương tiện phi ngôn ngữ để bài nói thêm sinh độ], thuyết phục.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - Các nhóm tập luyện nói, nhận xét, rút kinh nghiệm cho nhau; cử đại diện nói trước lớp.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét ý thức, thái độ làm việc của các nhóm.  ***c. Tập luyện***  - HS tập nói trước nhóm/tổ. |

|  |
| --- |
| **TRÌNH BÀY NÓI** |
| **a.** **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng trình bày bài nói cho HS  - Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  **b.** **Nội dung:**  - HS nói theo nội dung đã luyện tập trong các nhóm  - HS trong nhóm khác theo dõi, nhận xét HĐ nói của nhóm bạn.  **c. Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS.  **d. Tổ chức thực hiện** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV:  + Yêu cầu các nhóm HS lựa chọn đại diện trình bày bài nói trên cơ sở kết quả luyện nói ở nhóm/tổ.  + Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS quan sát.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của bài nói.  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - GV phát phiếu đánh giá theo tiêu chí cho các nhóm và hướng dẫn HS nói.  - Đại diện các nhóm trình bày bài nói (mỗi nhóm 1 đại diện).  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.  - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |

|  |
| --- |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** |
| **a.** **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b. Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **c. Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng nhóm HS.  **d. Tổ chức thực hiện** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV:  + Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  + Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GVhướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  - Các nhóm HS sử dung phiếu đánh giá ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của nhóm bạn.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.  - Nhận xét chéo của nhóm HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c. Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

- GV giao bài tập cho HS

*Kể tên một cuốn sách mà em đã đọc và thuyết phục bạn cùng đọc cuốn sách đó dựa tên việc trả lời những câu hỏi sau:*

*- Em đã đọc cuốn sách khi nào? Điều gì làm em thích thú khi đọc cuốn sách?*

*- Cuốn sách đem đến cho em những suy nghĩ, cảm xúc mới mẻ gì?*

*- Vì sao nên đọc cuốn sách này?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi. Gợi ý HS trình bày suy nghĩ của mình.

- HS kể tên một cuốn sách đã đọc và thuyết phục bạn cùng đọc cuốn sách đó.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**Hoạt động 4: VẬN DỤNG - MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao bài tập:

Bài tập 1: Giới thiệu một sản phẩm sáng tạo từ sách cùng với các bạn trong lớp, khối của em.

Bài tập 2: Làm 1 video clip ngắn thuyết phục mọi người hình thành thói quen đọc sách.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn HS cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- Cá nhân HS hoàn thành bài tập ở nhà và nộp lại cho GV.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng quy định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài ôn tập học kì 2.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Giới thiệu sản phẩm từ sách,Chọn được cuốn sách hay, có ý nghĩa. | Chưa chọn được cuốn sách yêu thích, chưa giới thiệu sản phẩm từ sách | Chọn được cuốn sách nhưng chưa hay . Giới thiệu sản phẩm từ sách nhưng chưa hấp dẫn. | Chọn được cuốn sách hay và ấn tượng. . Giới thiệu sản phẩm từ sách ấn tượng. |
| 2. Trình bày thuyết phục về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách. | Nêu được tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách song còn sơ sài, thiếu thuyết phục. | Có lí lẽ, dẫn chứng để thuyết phục người nghe về vai trò, tác dụng của sách nhưng chưa đầy đủ. | Có đủ các lí lẽ, dẫn chứng để thuyết phục người nghe về vai trò, tác dụng của sách. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung nói. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| **TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm** | | | |

**TIẾT 140: TRẢ BÀI**